

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **859/2018/HC-PT**

Ngày: 26-9-2018

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mạnh Đoan Trang

Các Thẩm phán : Ông Trần Quang Phúc

: Ông Vũ Bảo Nguyên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Hương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
toad:* Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 và ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 94/2017/TLPT-HC ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2017/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận B bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3258/2018/QĐXXPT-HC ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà **Trần Thị Thanh T**

Địa chỉ: 6C Tú Xương, Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông **Trần Hải Đ** (Luật sư) và ông **Nguyễn Minh T** (Luật sư) -Văn phòng Luật sư Trần Hải Đ thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 259A Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B Thành phố Hồ Chí Minh - Ông Trần Hải N**

Địa chỉ: 234 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Phan Minh S** - Luật sư Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 30/2A Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn C**

Địa chỉ: 6C Tú Xương, Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Minh T.**

Địa chỉ: 259A Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do có kháng cáo của người khởi kiện là bà Trần Thị Thanh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Trần Thị Thanh T có mặt, ông Trần Hải Đ có mặt, ông Nguyễn Minh T có mặt, ông Trần Hải N có mặt, ông Phan Minh S có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2016 và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Trần Thị Thanh T có ông Nguyễn Minh T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc khu nhà 6C Tú Xương, Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây được gọi tắt là khu nhà 6C) là nhà biệt thự, thuộc quyền sử dụng của Cục quản trị II (sau này là Văn phòng Chính phủ). Năm 1986, Cục Quản trị II cấp căn nhà 11m² có gác lửng 4m² thuộc khu nhà 6C cho bà T và chồng là ông Cường. Ngoài ra, Cục quản trị II cũng cấp nhà tại khu nhà 6C cho 07 hộ gia đình cán bộ khác và còn lại hơn 1.600 m² là đất trống được sử dụng làm sân chung cho cả 08 hộ gia đình.

Đến năm 1988, vợ chồng bà T đã sửa chữa, coi nói phần nhà cũ và xây thêm trên phần sân chung để ở (theo Bản vẽ hiện trạng ngày 26/7/1993, có xác nhận của Sở Nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Quản lý kinh doanh nhà thành phố). Ngoài ra, bà T đã dựng một căn nhà tạm 38,74 m² (khung sắt, vách tre, che bạt nylon) trên sân trống gần mặt tiền đường Tú Xương làm quán giải khát, kiếm thêm thu nhập cho gia đình.

Năm 2002, 08 hộ dân được mua nhà theo Nghị định 61/CP của Chính phủ. Do tính trung thực và không hiểu rõ về pháp luật nhà đất nên vợ chồng bà T không đề nghị Công ty Quản lý kinh doanh nhà Thành phố giải quyết cho mua hóa giá nhà theo hiện trạng sử dụng nên Công ty Quản lý kinh doanh nhà Thành phố chỉ duyệt bán phần diện tích nhà đất được cấp năm 1986, hoàn toàn không đề cập đến việc xử lý phần coi nói.

Ngày 27/12/2002, gia đình bà T được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 22820/2002 với diện tích nhà ở là 18,03 m², diện tích đất sử dụng riêng là 12,29

m² và sử dụng chung 1.647,04 m².

Ngày 04/5/2009, được sự ký duyệt cho phép xây dựng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vợ chồng bà T đã tiến hành cải tạo sửa chữa, nâng cấp căn nhà diện tích là 39 m², có gác suốt và chiều cao công trình là 6,8m với chi phí hơn 01 tỷ đồng.

Sau đó, một số hộ trong khu nhà 6C tranh giành quyền lợi cho thuê diện tích sân chung. Vì vậy, Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã kiểm tra việc sử dụng nhà và đất của 08 hộ và lập Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC ngày 12/9/2014 xác định chủ công trình là ông Nguyễn Văn C. Ngày 24/9/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng số 150/QĐ-UBND nhưng không thực hiện được do gia đình bà T có khiếu nại.

Đến ngày 10/9/2015, Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh lập Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC, xác định chủ công trình là bà Trần Thị Thanh T. Căn cứ biên bản này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là ông Trần Hải N đã ký Quyết định cưỡng chế (lần hai) số 200/QĐ-UBND ngày 22/10/2015.

Ngày 08/7/2016, ông Trần Hải N ký Văn bản số 39/TB-UBND thông báo việc Ủy ban nhân dân Phường 7 Quận B ấn định cưỡng chế trong thời gian từ ngày 21/7/2016 đến ngày 30/7/2016.

Do nhận thấy việc ban hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là sai nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết như sau:

1/ Hủy Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản là 1.170.041.000 (*Một tỷ một trăm bảy mươi triệu không trăm bốn mươi một nghìn*) đồng.

Tại các văn bản trình bày và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có ông Huỳnh Đỗ Tiến đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ vào đơn khiếu nại của các hộ cùng cư trú tại khu nhà 6C và Kết luận số 460/KL-TTTP-P1 của Thanh tra Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 5054/UBND-PCNC ngày 23/9/2013 chỉ đạo và xử lý vi

phạm xây dựng không phép tại khu nhà 6C.

Ngày 12/9/2014, Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị đối với ông Nguyễn Văn C (chồng bà T).

Khi thực hiện kế hoạch cưỡng chế tại khu nhà 6C, Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện có sự sai sót về diện tích nhà vi phạm do bà T trực tiếp sử dụng tiếp giáp với hộ ông Nguyễn Duy Lâm có diện tích vi phạm trệt, lầu 1, lầu 2 là 27 m². Do vậy, Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 04 ngày 10/9/2015 về vi phạm hành chính và yêu cầu tự tháo dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình vi phạm và ban hành Quyết định số 200/QĐ-UBND về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị đối với bà T, để thay thế và hủy bỏ Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 24/9/2014.

Theo Thông tư số 02/2014/TT-BXD ngày 12/12/2014 của Bộ xây dựng quy định thì trường hợp vi phạm hành chính về xây dựng đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính thì cơ quan có thẩm quyền không ban hành quyết định xử phạt hành chính mà ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ.

Vì vậy yêu cầu của bà T là không có cơ sở nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại các văn bản trình bày và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C có ông Nguyễn Minh T đại diện theo ủy quyền trình bày trình bày:

Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà T.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà T, ông Cường yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường thiệt hại về tài sản là 515.674.000 (*Năm trăm mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn*) đồng và giữ nguyên các yêu cầu khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2017/HC-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận B đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường thiệt hại về tài sản là 515.674.000 (*Năm trăm mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn*) đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị Thanh T người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo: Đề nghị hủy Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản là 515.674.000 (*Năm trăm mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn*) đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh vì:

- Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 xác định người bị xử phạt là ông Cường nhưng Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 xác định người bị xử phạt là bà T vi phạm nguyên tắc cá thể hóa trong xử lý vi phạm hành chính.

- Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC ngày 10/9/2015, Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 có nội dung hủy bỏ và thay thế cho Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC ngày 12/9/2014, Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 là sai.

- Thời hiệu xử lý vi phạm hành chính đã hết nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị là sai.

- Biên bản vi phạm hành chính Ủy ban nhân dân Phường 7 Quận B lập không đúng tại nơi xảy ra vi phạm mà lập tại Ủy ban nhân dân phường.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C có ông Nguyễn Minh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Đề nghị hủy Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B.

Người bị kiện ông Trần Hải N trình bày: Đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2017/HC-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Đề

ng nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2017/HC-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận B.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Về thủ tục: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật từ khi thụ lý và tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử tiến hành đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật về thời gian, địa điểm xét xử, thành phần Hội đồng xét xử và các thủ tục tố tụng tại phiên tòa. Về việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Không có cơ sở hủy Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B.

Trên đây là ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Thanh T gửi đến tòa trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[1] Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Căn cứ Khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế nơi xảy ra hành vi vi phạm hành chính là khu nhà 6C Tú Xương, Phường 7, Quận B. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B ban hành quyết định cưỡng chế khi phát hiện vi phạm là đúng theo quy định.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà T. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc: Khu nhà số 6C có nguồn gốc thuộc sở hữu Nhà nước do công ty quản lý nhà Thành phố Hồ Chí Minh quản lý theo phân cấp với diện tích khuôn viên đất là 2.050,4m². Trong đó diện tích sân chung là 1.625,5m², tổng diện tích xây dựng là 424,9m². Từ năm 2002, các hộ tại khu nhà 6C được mua hóa giá nhà theo Nghị định số 61/CP của Chính phủ.

Ngày 27/12/2002, gia đình bà T được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 22820/2002 với diện tích nhà ở là 18,03 m², diện tích đất sử dụng riêng là 12,29 m² và sử dụng chung 1.647,04 m².

Do có đơn khiếu nại của các hộ cùng cư trú tại khu nhà 6C và Kết luận số 460/KL-TTTP-P1 của Thanh tra Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công văn số 5054/UBND-PCNC ngày 23/9/2013 chỉ đạo và xử lý vi phạm xây dựng không phép tại khu nhà 6C.

Ngày 12/9/2014, Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị đối với ông Nguyễn Văn C (chồng bà T).

Do có phát hiện sai sót về diện tích, Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 04 ngày 10/9/2015 về vi phạm hành chính và yêu cầu tự tháo dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình vi phạm. Ngày 22/10/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B ban hành Quyết định số 200/QĐ-UBND về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị đối với bà T có nội dung: *“Cưỡng chế phá dỡ đối với công trình vi phạm trật tự xây dựng tại số 6C Tú Xương, phường 7, Quận B do bà Trần Thị Thanh T là người hiện đang quản lý và sử dụng.*

Lý do: Xây dựng nhà trên phần diện tích sân chung tại khu biệt thự 6C Tú Xương, Phường 7, Quận B trái quy định pháp luật”.

Xét thấy, hành vi xây dựng nhà trên phần diện tích sân chung là hành vi nghiêm cấm theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 34/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ và điểm a Khoản 5 Điều 55 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành quyết định cưỡng chế là đúng quy định.

Do thời hiệu xử lý vi phạm hành chính đã hết. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B ban hành Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị của bà T là đúng theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 của Bộ Xây dựng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 xác định người bị xử phạt là ông Cường nhưng Quyết định số

200/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 xác định người bị xử phạt là bà T là vi phạm nguyên tắc cá thể hóa trong xử lý vi phạm hành chính. Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC ngày 10/9/2015, Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 có nội dung hủy bỏ và thay thế cho Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC ngày 12/9/2014, Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 là sai. Thời hiệu xử lý vi phạm hành chính đã hết nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B vẫn ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị là sai. Biên bản Ủy ban nhân dân Phường 7 Quận B lập không đúng tại nơi xảy ra vi phạm mà lập tại Ủy ban nhân dân phường.

Xét do thời hiệu xử lý vi phạm hành chính đã hết nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B đã ban hành Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị của bà T là đúng theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 02/2014/TT-BXD ngày 12/2/2014 của Bộ xây dựng. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7 Quận B ban hành Quyết định số 200/QĐ-UBND là đúng theo quy định. Về Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC ngày 10/9/2015, Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 có nội dung hủy bỏ và thay thế cho Biên bản hành chính số 07/BB-VPHC ngày 12/9/2014, Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 là sai về thời hạn ban hành, sai về diện tích xây dựng và trình tự. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: “3. Trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm phát hiện quyết định về xử lý vi phạm hành chính do mình hoặc cấp dưới ban hành có sai sót và kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ, ban hành quyết định mới theo thẩm quyền.” Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7 Quận B được quyền hủy bỏ và ban hành quyết định mới theo thẩm quyền là đúng theo quy định. Về biên bản lập không đúng tại nơi xảy ra vi phạm: Căn cứ vào Biên bản lập số 04/BB-VPHC ngày 10/9/2015 thì biên bản lập tại nhà số 6C Tú Xương, Phường 7 Quận B và thành phần lập biên bản là đúng theo quy định. Bà T không khiếu nại và giải trình vấn đề này cũng như không đưa ra chứng cứ chứng minh về việc lập biên bản tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B. Do đó, không có căn cứ để hủy Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B.

Về yêu cầu được bồi thường số tiền: 515.674.000 (Năm trăm mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng do yêu cầu kháng cáo của bà T là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Xét ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 515.674.000 (*Năm trăm mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn*) đồng cấp sơ thẩm chưa cho đương sự đóng tiền tạm ứng dân sự phúc thẩm là có thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 52, Điều 61, Điều 66, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về quản lý sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị Thanh T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2017/HC-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận B.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T yêu cầu: Hủy Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản là 515.674.000 (*Năm trăm mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn*) đồng.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng bà Trần Thị

Thanh T phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm mà bà T đã nộp theo biên lai số AC/2014/0002979 ngày 28/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B; bà T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: 24.626.960 (*Hai mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.313.480 (*Mười ba triệu ba trăm mười ba nghìn bốn trăm tám mươi*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0019148 ngày 21/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận B. bà T còn phải nộp 12.313.480 (*Mười ba triệu ba trăm mười ba nghìn bốn trăm tám mươi*) đồng.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số AA/2017/0019426 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận B; bà T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: bà T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- TAND Quận B;
- Chi cục THADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mạnh Đoàn Trang